

	<h1>VinaCert</h1>	V01-05	Phiên bản/ Revision: 00
		Ngày hiệu lực/ Date of issue: 16/01/2018	
QUY ĐỊNH CHỨNG NHẬN ASC/MSC CoC ASC/MSC CoC CERTIFICATION REGULATIONS			

THEO DÕI HIỆU CHỈNH TÀI LIỆU/ DOCUMENT REVISION LOG

Ngày sửa đổi/ Date of revision	Tóm lược hiệu chỉnh/ Revision summary
16/01/2018	- Ban hành lại – Re - issued

Phê duyệt/ Approved by	Hiệu lực/ Validity	Hệ thống / System	Khả thi/ Feasibility
Ngày/ Date	16/01/2018	16/01/2018	15/01/2018
Ký tên/ Signature			
Họ Tên/ Full name	Nguyễn Hữu Dũng	Nguyễn Hữu Dũng	Đỗ Thành Muôn
Chức danh/ Position	Tổng Giám đốc/ Director General	Tổng Giám đốc/ Director General	Chuyên gia đánh giá/ Auditor

1. Phạm vi áp dụng	1. Scope
<p>1.1. Tài liệu này quy định một số nguyên tắc cơ bản trong quá trình đánh giá - chứng nhận quy trình nuôi trồng phù hợp tiêu chuẩn ASC/MSC CoC mà VinaCert (VICB) áp dụng.</p> <p>1.2. Tài liệu này được cung cấp công khai cho các khách hàng của VICB.</p>	<p>1.1 This document defines a number of basis principles in the process certification assessment conforming with requirements of ASC/MSC CoC Standard, which VinaCert applies.</p> <p>1.2 This document is provided publicity for customers of VICB</p>
2. Thuật ngữ, định nghĩa	2. Terms and definition
<p>2.1. Khách hàng: Tổ chức/cá nhân đề nghị VICB chứng nhận ASC/MSC CoC.</p> <p>2.2. Chứng nhận: Sự đánh giá xác nhận của VICB đối với hoạt động của khách hàng phù hợp với phạm vi của tiêu chuẩn ASC/MSC CoC mà khách hàng đăng ký chứng nhận.</p> <p>2.3. Chuyên gia đánh giá (CGĐG): Người có năng lực để tiến hành một cuộc đánh giá ASC/MSC CoC.</p> <p>2.4. Chuyên gia kỹ thuật (CGKT): Người cung cấp các kiến thức hay kinh nghiệm chuyên môn cụ thể cho đoàn đánh giá.</p> <p>2.5. VICB: Tổ chức chứng nhận VinaCert.</p>	<p>2.1 Customers: Organizations/ individuals applying ASC/MSC CoC Certification.</p> <p>2.2 Certification: The confirmation audit of VICB for customer's activities in accordance with scope of ASC/MSC CoC standards that customers are seeking for.</p> <p>2.3. Auditors: The person has the capacity to conduct a ASC/MSC CoC assessment.</p> <p>2.4 Technical expert: The person providing specific knowledge or expertise experience to audit team.</p> <p>2.5. VICB: VinaCert Certification Body</p>
3. Nguyên tắc hoạt động của VICB	3. Principles of VICB' activity
<p>Đảm bảo sự độc lập, khách quan, công khai, không thiên vị, công khai trong hoạt động đánh giá chứng nhận sản phẩm, bảo mật các thông tin của khách hàng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình.</p>	<p>To ensure independence, objectivity, publicity, impartiality, openness in the product certification assessment activities, confidentiality of customer's information and responsibility before law for their activities.</p>
4. Chuẩn mực Chứng nhận	4. Certification standards:
<p>4.1. Chuẩn mực đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - ASC Panggasius Standard, Version 1.0 Jan 2012. - MSC Default Chain of Custody Standard v4.0 (20thFebruary 2015) <p>4.2. Khi có sự thay đổi hoặc bổ sung các chuẩn mực chứng nhận, VICB sẽ thông báo cho khách hàng về những chuẩn mực chứng nhận mới bằng cách thông báo trên website www.vinacert.vn đồng thời gửi email đến từng khách hàng liên quan.</p>	<p>4.1 Audit criteria:</p> <ul style="list-style-type: none"> - ASC standard applied for pangasius, Version 2.0 - MSC Default Chain of Custody Standard v4.0 (20thFebruary 2015) <p>4.2 In case of changing or supplement of certification criteria, VICB will inform customers about new certification criteria by public on the website www.vinacert.vn and sending email to the relevant customers.</p>
5. Các quy định 5.1. Các quy định chung	5. Regulations 5.1 General rules
<p>5.1.1. Yêu cầu đối với khách hàng:</p> <p>5.1.1.1. Mọi hoạt động kiểm tra, đánh giá, giám sát của VICB được thực hiện tại địa điểm của khách hàng, khách hàng có trách nhiệm:</p>	<p>5.1.1 Requirement for customers:</p> <p>5.1.1.1 All activities of audit of VICB conducted at the location of customers, customer take responsibility for:</p>

<p>a. Cử người đại diện chịu trách nhiệm liên lạc với VICB;</p> <p>b. Bố trí người dẫn đường thông thạo địa hình và am hiểu những quy định về an toàn lao động của khách hàng cho đoàn đánh giá;</p> <p>c. Tạo điều kiện để đoàn đánh giá của VICB tiếp cận tất cả các điểm được đánh giá trong điều kiện làm việc bình thường và cung cấp những thông tin cần thiết cho VICB để hoàn thiện quá trình đánh giá;</p> <p>d. Thực hiện đầy đủ các quy định của VICB, đặc biệt về việc duy trì hệ thống, chấp nhận quyết định đình chỉ hoặc hủy bỏ chứng nhận theo quy định tại mục 5.7 tài liệu này.</p> <p>e. Thông báo kịp thời cho VICB khi có các thay đổi về thông tin đăng ký.</p> <p>f. Tuân thủ các Hợp đồng/ Thỏa thuận đã ký với VICB.</p> <p>5.1.2. VICB cam kết:</p> <p>5.1.2.1. Thực hiện việc đánh giá, chứng nhận theo đúng yêu cầu của ISO/IEC 17065 và quy định chứng nhận ASC/MSC CoC</p> <p>5.1.2.2. Công bố danh sách các khách hàng được VICB chứng nhận ASC/MSC CoC trên website của VICB (http://www.vinacert.vn) (cập nhật)</p> <p>5.1.2.3. Công khai bảng phí chứng nhận ASC</p> <p>5.1.2.4. Mọi phàn nàn, khiếu nại của khách hàng được giải quyết theo quy trình giải quyết khiếu nại của VICB (xem V00-09).</p> <p>5.1.2.5. Tuân thủ các nội quy, quy định của khách hàng tại điểm đánh giá;</p> <p>5.1.2.6. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong hợp đồng đã ký với khách hàng.</p> <p>5.1.2.7. Đảm bảo sự độc lập khách quan, công khai và không thiên vị:</p> <p>a. Thông qua chính sách sử dụng Chuyên gia đánh giá của mình. Thành viên trong đoàn đánh giá:</p> <p>i. không có mối quan hệ về tài chính với KH;</p> <p>ii. không có mối quan hệ gia đình với các lãnh đạo chủ chốt của KH;</p> <p>iii. không được thực hiện các hoạt động tư vấn, đào tạo cho các nhà sản xuất mà họ thực hiện kiểm tra. Đào tạo không được coi là tư vấn, khi kiến thức đào tạo liên quan đến hệ thống quản lý hoặc đánh giá bị giới hạn trong việc</p>	<p>a. Appointing their representatives who communicate with VICB;</p> <p>b. Arranging a pilot who knows clearly terrain and thoroughly understand regulations on labor safety of customer for audit team;</p> <p>c. Creating a favor condition for auditor of VICB to access to all points evaluated in normal working conditions and provide necessary information for the VICB to complete the evaluation process;</p> <p>d. Fully complying with the provisions of VICB, especially on system maintenance; accepting decision of certificate suspension or decision of certificate withdrawing under regulation in Section 5.7 of this document;</p> <p>e. Timely notifying to the VICB when there is any change in registration information;</p> <p>f. Complying with Contract/Sub-license and Certification Agreement signed with VICB.</p> <p>5.1.2 VICB commits:</p> <p>5.1.2.1. To perform the evaluation and certification as required by ISO/IEC and ASC/MSC CoC certification regulation.</p> <p>5.1.2.2. To publish the list of ASC/MSC CoC certified customers by VICB on the website http://www.vinacert.vn (update)</p> <p>5.1.2.3. Publish fee table of ASC certification to potential customers.</p> <p>5.1.2.4. All customer complaints and appeals are resolved according to Procedure of Complaint and appeals resolution of VICB (See V00-09)</p> <p>5.1.2.5. to comply with rules and regulations of customers during evaluation period.</p> <p>5.1.2.6. to fully take responsibilities as required in the contract/aggrement signed with customers.</p> <p>5.1.2.7. to ensure the independence, objectivity, impartiality, openness:</p> <p>a. Through the policies of use of members in audit team:</p> <p>i. shall not have any financial relationship with customers;</p> <p>ii. shall not have family relationship with key leaders of customers;</p> <p>iii. shall not carry out consultancy or training activities for producers that the auditor/inspector performs inspections.</p>
---	--

<p>cung cấp các thông tin chung sẵn có đã được công khai; tức là đào tạo không cung cấp các giải pháp cụ thể cho công ty.</p> <p>iv. Chuyên gia đánh giá, nhân viên kiểm tra không là người đưa ra quyết định chứng nhận cuối cùng liên quan đến các cuộc đánh giá hoặc kiểm tra mà bản thân họ đã tiến hành.</p> <p>b. Thông qua hoạt động của Hội đồng cố vấn. Các thành viên trong Hội đồng cố vấn phải đảm bảo:</p> <p>i. Đại diện được lợi ích cho tất cả các bên theo yêu cầu của ISO/IEC 17021;</p> <p>ii. Không chịu các áp lực về tài chính; công việc; tình cảm trong các quyết định của mình;</p> <p>iii. Am hiểu luật pháp.</p> <p>c. Thông qua cam kết bảo mật của các phòng thử nghiệm độc lập.</p> <p>d. Công khai cho khách hàng các thông tin về chuẩn mực chứng nhận, quy định về đánh giá và chứng nhận, thủ tục cấp, duy trì, đình chỉ, hủy bỏ chứng nhận.</p> <p>e. VinaCert nhận diện, phân tích, đánh giá, xử lý, theo dõi và lập văn bản các rủi ro liên quan tới xung đột lợi ích nảy sinh từ việc cung cấp chứng nhận đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan tới hoạt động đánh giá chứng nhận của VinaCert và đưa ra biện pháp phòng ngừa nhằm đảm bảo tính công bằng trong hoạt động đánh giá của VinaCert. Cung cấp danh mục này tới các thành viên HĐCV (Xem phụ lục 3);</p> <p>f. Tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng của VICB có điều kiện tham gia quyết định lựa chọn thành phần đoàn đánh giá nếu khách hàng nhận thấy tiềm ẩn sự không công bằng trong hoạt động đánh giá chứng nhận của VICB bởi thành phần đoàn đánh giá.</p> <p>g. Cơ chế giám sát của Hội đồng cố vấn trong quá trình đánh giá nhằm đảm bảo tính công bằng, VICB kiên quyết không sử dụng chuyên gia đánh giá không khai báo rõ ràng quan hệ của mình với khách hàng.</p> <p>h. Chuyên gia đánh giá/kiểm tra viên phải theo sát nghiêm ngặt các quy trình của nhà sản xuất và của VICB để duy trì tính độc lập về thông tin và hồ sơ.</p>	<p>Training is not considered consultancy when content of training course relating to management system or auditing is confined to general knowledge that is freely available in the public domain; i.e. the trainer cannot provide specific solution for company.</p> <p>iv. shall not be permitted to take ultimate certification decisions regarding audits or inspections they have carried out themselves.</p> <p>b. Through the activities Advisory Council Members in Advisory Council:</p> <p>i. shall be benefits representatives for all parties as required by ISO/IEC 17021;</p> <p>ii. do not be affected by financial pressure, work, sentiment when making their decisions;</p> <p>iii. shall understand thoroughly the law.</p> <p>c. Though confidential commitment of independent laboratories .</p> <p>d. Provide customers with information about certification criteria, regulations of certification and evaluation, procedures of certification issuance, maintenance, suspension or withdrawal.</p> <p>e. VinaCert identify, analyse, evaluate, treat, monitor, and document the risks related to conflict of interests arising from provision of certification for organizations and individuals relating to its audit and certification activities. It shall also take preventive measures in order to ensure the impartiality in its audit activities. It shall provide this list to each member of the AC (see Annex 3);</p> <p>f. Creating favorable conditions for VICB's customers to participate in making decision on selection of members for audit team if the customers feel potential inequity in the evaluation and certification of VICB;</p> <p>g. The monitoring mechanism of Advisory Council during assessment process to ensure fairness, VICB ensure not to use auditor that does not explicitly declare their relationship with customers.</p> <p>h. Auditors must strictly observe the producer's and the VICB's procedures to maintain the confidentiality of information and records.</p>
<p>5.2. Quy định về quyền lợi và nghĩa vụ của khách hàng và VICB trong quá trình thực hiện thỏa thuận chứng nhận</p>	<p>5.2 Regulation on the rights and obligation of customers and VICB during implementation of the certification agreement.</p>

<p>5.2.1. Quyền của khách hàng:</p> <p>5.2.1.1. VICB ký cam kết rằng sau khi nhận được số đăng của khách hàng do ASC cấp, VICB sẽ gửi Thư chấp nhận đăng ký (F00-14-04) cho khách hàng trong vòng 14 ngày.</p> <p>5.2.1.2. Chứng nhận giữa VICB với khách hàng có thời lượng ban đầu là 3 năm.</p> <p>5.2.1.3. VICB thông báo cho nhà sản xuất về những phàn nàn, khiếu nại của khách hàng liên quan tới hoạt động sản xuất mà VICB nhận được để nhà sản xuất giải quyết.</p> <p>5.2.1.4. Khách hàng có quyền hủy thỏa thuận chứng nhận đã ký với VICB và chuyển chứng chỉ cho một cơ quan chứng nhận khác trong trường hợp VICB không còn được ASC phê duyệt.</p> <p>5.2.1.5. Khi khách hàng đã được đưa vào cơ sở dữ liệu của ASC, khách hàng có quyền chuyển cơ quan chứng nhận (tức là có thể xin một cơ quan chứng nhận khác chứng nhận thay vì VICB chứng nhận), trừ trường hợp khách hàng chưa đóng hết các điểm không phù hợp và/ hoặc đang chờ quyết định xử phạt của VICB (nếu có) do không tuân thủ quy định của ASC và VICB.</p> <p>5.2.1.6. Khách hàng có quyền xin tự đình chỉ một hoặc các sản phẩm muốn được chứng nhận, trừ trường hợp khách đang chờ quyết định xử phạt của VICB (nếu có).</p> <p>5.2.2. Nghĩa vụ của khách hàng:</p> <p>5.2.2.1. Hoàn thiện thủ tục đăng ký trước cuộc đánh giá đầu tiên của VICB. VICB chỉ đánh giá/kiểm tra sau khi Khách hàng được VICB chấp nhận đánh giá.</p> <p>5.2.2.2. Ký hợp đồng chứng nhận ASC/MSC CoC giữa VICB và khách hàng</p> <p>5.2.2.3. Thanh toán đầy đủ các khoản phí theo yêu cầu. Trong trường hợp khách hàng tự nguyện xin đình chỉ một hay nhiều sản phẩm đã được chứng nhận so với đăng ký chứng nhận ban đầu, các khoản phí đó sẽ không thay đổi. Việc đình chỉ này không làm lùi lại ngày gia hạn, và nhà sản xuất cũng không được miễn đóng các khoản phí.</p> <p>5.2.2.4. Khắc phục các điểm không phù hợp trong thời hạn quy định.</p> <p>5.2.2.5. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng</p>	<p>5.2.1 Rights of customers:</p> <p>5.2.1.1 VICB commit that after receiving Code No. form ASC, VICB will send the Letter of Registration Receipt (F00-14-04) to the customer within 14 calendar days.</p> <p>5.2.1.2 Certification between VICB and customers has an initial duration of up to 3 years.</p> <p>5.2.1.3 VICB notifies to producer about customers complaints & claims relating to production activities received by VICB so that the customers make a solution.</p> <p>5.2.1.4 Customers can cancel the certification agreement signed with VICB and transfer the valid certification to another CB in the case VICB do not approved by ASC.</p> <p>5.2.1.5 When customer have been put into the database of ASC, customers have the right to transfer to another CB (ie can get other CB instead certificated VICB), except for customers not closure of non conformances and/or sanction is pending by VICB (if any) because of not comply with the provisions of ASC and VICB.</p> <p>5.2.1.6. Customers have right to ask voluntarily for a suspension of one, several or all of the products covered by the certificate, unless a sanction is pending by VICB (if any).</p> <p>5.2.2. Obligations of Customers:</p> <p>5.2.2.1. shall complete registration procedures before the first VICB inspection/audit. VICB only conduct inspection/audit after customer's registration/ re-registration is accepted.</p> <p>5.2.2.2. To sign contract of ASC/MSC CoC certification between VICB and customer.</p> <p>5.2.2.3. To pay fully fees as required. The fees will not be changed even thought the customers ask voluntarily for a suspension of one or several of the certified products compared with the initial application registration. This suspension does not delay the renewal date, nor allow the producer to avoid paying applicable fees.</p> <p>5.2.2.4. Overcoming the non conformances in the prescribed time limit.</p> <p>5.2.2.5. Commits to fully execute obligations stated in the contract of ASC certification.</p>
---	---

<p>5.2.2.6. Nếu các dữ liệu đăng ký có sự thay đổi, khách hàng có trách nhiệm thông báo cho VICB kịp thời để VICB xử lý.</p> <p>5.2.2.7. Khách hàng phải đảm bảo rằng toàn bộ vùng đất và địa điểm được sử dụng để nuôi trồng/sản xuất hay vận chuyển các sản phẩm mà khách hàng muốn chứng nhận thuộc quyền sở hữu của mình. Điều này có nghĩa là khách hàng muốn được chứng nhận phải xuất trình các giấy tờ cần thiết chứng minh quyền sở hữu.</p> <p>5.2.3. Quyền và Nghĩa vụ của VICB</p> <p>5.2.3.1. VICB gửi thư chấp nhận đăng ký (F00-14-04) cho khách hàng trong vòng 14 ngày kể từ ngày VICB nhận được mã số khách hàng từ ASC.</p> <p>VICB đưa ra quyết định chứng nhận trong vòng 28 ngày kể từ ngày khách hàng cung cấp đủ bằng chứng về việc đã thực hiện hành động khắc phục các điểm không phù hợp NC (nếu có) của cuộc đánh giá chính thức.</p> <p>5.2.3.2. Bảo mật các thông tin liên quan đến khách hàng ngoại trừ các thông tin bắt buộc phải công khai theo quy định của ASC/MSC CoC, theo quy định của pháp luật hoặc có sự đồng ý bằng văn bản của khách hàng.</p> <p>5.2.3.3. VICB chỉ tiến hành cuộc đánh giá khách hàng đầu tiên khi khách hàng đã hoàn thiện bước đăng ký với VICB. Đối với các khách hàng có chứng chỉ sắp hết hạn, Phòng kinh doanh VICB sẽ xác nhận lại qua điện thoại hoặc email việc đăng ký của nhà sản xuất 3 tháng trước ngày hết hạn.</p> <p>5.2.3.4. Lưu hồ sơ khách hàng bao gồm đầy đủ các thông tin đăng ký theo quy định của ASC/MSC CoC.</p> <p>5.2.3.5. VICB có quyền kiểm tra, đánh giá khách hàng tại bất cứ thời điểm nào trong giai đoạn được gọi là “cửa sổ kiểm tra” kéo dài 3 tháng được tính từ 3 tháng trước ngày hết hạn chứng chỉ. Trong trường hợp VICB có gia hạn hiệu lực chứng chỉ với ASC thì giai đoạn giám sát sẽ cộng thêm 3 tháng sau ngày chứng chỉ hết hạn.</p> <p>5.2.3.6. Trong trường hợp VICB không còn được ASC/MSC CoC phê duyệt, VICB sẽ thông báo cho khách hàng rằng khách hàng có quyền hủy thỏa thuận chứng nhận đã ký</p>	<p>5.2.2.6. If the registration database changes, the customers to be responsible timely notify to handling VICB.</p> <p>5.2.2.7. Customers must ensure all locations and areas where the product that they are seeking certification for, is grown/produced or transported from under their ownership. This means that it is required for customer to present all necessary document demonstrating their ownership to VICB.</p> <p>5.2.3 Rights and Obligations of VICB</p> <p>5.2.3.1 VICB send the Letter of Acceptance (F00-14-04) to the customer within 14 calendar days that after receiving customer's Code from ASC Database.</p> <p>VICB makes a certification decision within 28 working days from the date that customers provide full evidence that the non conformity have been implemented (if any) of initial audit.</p> <p>5.2.3.2. VICB keeps confidential information relating to customers except information that are published as required by ASC/MSC CoC regulation and regulation of law or as a consent in writing of customers.</p> <p>5.2.3.3 VICB only conducts initial audit when customers complete regristration procedure. For customers whose certificates nearly reach the expiry date, VICB' Business Dept will contact via email or phone to reconfirm the registration of the customers 3 month prior to the expiry date .</p> <p>5.2.3.4. Maintain records of customers including full information of registration in accordance with regulation of ASC/MSC CoC.</p> <p>5.2.3.5. VICB entitles to conduct subsequent inspection at any time during an “inspection window” that ranges for 3 months: from 3 months before the original expiry date of the certificate, and (only if the VICB extends the certificate validity in the ASC database) up to 3 months after the original expiry date of the certificate.</p> <p>5.2.3.6. Where VICB has lost its ASC/MSC CoC approval, VICB will inform the customers about their right to require the VICB to</p>
--	--

<p>với VICB và chuyển chứng chỉ còn hiệu lực cho một cơ quan chứng nhận khác.</p> <p>5.2.3.7. Trong trường hợp khách hàng xin tự đình chỉ một, nhiều hoặc tất cả sản phẩm của mình, VICB sẽ công bố trạng thái “Tự đình chỉ” đối với sản phẩm xin đình chỉ.</p>	<p>annul the certification agreement and transfer the valid certificate to another CB.</p> <p>5.2.3.7 Where the customers ask voluntarily for a suspension of one, several or all of the products covered by the certificate, VICB will announce state of “ self- suspension” for requesting suspension product.</p>
<p>5.3. Quy định về đăng ký chứng nhận</p>	<p>5.3 Regulation on certificate registration</p>
<p>5.3.1. Thông tin đăng ký chứng nhận phải bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định của VICB.</p> <p>5.3.2. Khách hàng không thể đăng ký các địa điểm sản xuất ở các nước khác nhau (trừ trường hợp ngoại lệ do ASC quy định).</p> <p>5.3.3. Khi khách hàng đã đăng ký sản phẩm và địa điểm sản xuất cụ thể thì tại toàn bộ địa điểm sản xuất, quá trình sản xuất đó phải tuân thủ các yêu cầu của ASC/MSC CoC. (Các Địa điểm sau khi đã đăng ký không được phân tách ra làm hai: Phần được chứng nhận và phần không được chứng nhận.</p>	<p>5.3.1. Certificate registration information shall include sufficient information under the provisions of VICB.</p> <p>5.3.2. Customers can not register the production sites in different countries (excluding the exceptions specified by ASC)</p> <p>5.3.3. When customer has registered specific products and production sites, the all product sites and process must comply with the requirements of ASC/MSC CoC. Production sites have been registratered that not be decomposed into two: The production sites are certified and the production sites are not certified.</p>
<p>5.4. Quy định về đánh giá nội bộ</p>	<p>5.4 Regulations on internal audit</p>
<p>a. Ít nhất mỗi năm một lần, nhà sản xuất phải tiến hành đánh giá nội bộ một lần.</p> <p>b. Việc đánh giá nội bộ tuân theo bảng checklist đầy đủ của phạm vi được áp dụng.</p> <p>c. Bảng checklist này sẵn có tại trang trại để chuyên gia đánh giá xem xét lại trong quá trình đánh giá bên ngoài.</p>	<p>a. The internal assessment is carried out at least once a year and under the responsibility of the producer.</p> <p>b. The internal assessment is against the complete checklists of the applicable scopes.</p> <p>c. This checklist is available on site for review by the inspector during the external inspection.</p>
<p>5.5. Quy định về mức độ tuân thủ</p>	<p>5.5 Regulation on compliance level</p>
<p>5.5.1. Mức độ tuân thủ được quy định theo quy định của VICB.</p> <p>5.5.1.1. Đối với các Điểm kiểm soát chính yếu: tuân thủ 100%.</p> <p>5.5.1.2. Đối với các Điểm kiểm soát thứ yếu: tuân thủ 100%.</p> <p>5.5.1.3. Đối với các Điểm kiểm soát khuyến cáo: không bắt buộc tuân thủ nhưng khách hàng vẫn phải kiểm tra mỗi lần đánh giá nội bộ. Trong các lần đánh giá của VICB (đánh giá chứng nhận và đánh giá giám sát), VICB cũng sẽ kiểm tra tất cả các điểm kiểm soát khuyến cáo.</p>	<p>5.5.1. Compliance level is specified under the provision of VICB, included:</p> <p>5.5.1.1. Major Musts: 100% compliance of all applicable Major Must.</p> <p>5.5.1.2. Minor Musts: 100% compliance of all applicable Minor Must control points.</p> <p>5.5.1.3. Recommendations: No minimum percentage of compliance but the customers has to check every time an internal assessment. During assessment process of VICB (include certification assessment and surveillance), VICB will check all the recommended control points.</p>
<p>5.6. Quy định về sự không phù hợp (NC)</p>	<p>5.6 Regulation on Non-conformance (NC)</p>

<p>Sự không phù hợp bao gồm:</p> <p>5.6.1 Sự không phù hợp với tiêu chuẩn ASC/MSC CoC gồm: Đình chỉ, nặng (MaN), nhẹ, (MiN), khuyến cáo (OB) được xác định theo bảng checklist của ASC và quy định về mức độ NC do VICB quy định.</p> <p>5.6.2 Sự không phù hợp với hợp đồng:</p> <ol style="list-style-type: none"> Vi phạm bất kỳ thỏa thuận nào đã ký kết trong hợp đồng giữa VICB và nhà sản xuất có liên quan tới các vấn đề về ASC/MSC CoC Sự không phù hợp với bất kỳ thỏa thuận nào đã ký kết giữa VICB và nhà sản xuất hoặc bất kỳ một vấn đề nào được tìm thấy trong thời gian kiểm tra dẫn đến sự hoài nghi kỹ thuật về phương thức báo cáo của nhà sản xuất. 	<p>Non- conformance concludes:</p> <p>5.6.1. Non-comformance with ASC standard including: Suspension, Major must; Minor must and recommendation which are specified in Checklists of ASC with NC level as required by VICB.</p> <p>5.6.2. Contractual Non-conformance:</p> <ol style="list-style-type: none"> Breach of any of the agreements signed in the contract between VICB and the producer related to ASC/MSC CoC issues. Non-compliance of any of the agreements signed in the contract between the VICB and the producer or any issue found during the inspection that leads to technical doubts about the producer's way of proceeding.
<p>5.7. Quy định về chế tài xử phạt</p> <ul style="list-style-type: none"> Khi phát hiện ra khách hàng không còn đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn nữa, chuyên gia đánh giá sẽ lập báo cáo lên VICB và báo cáo chi tiết cho tổ chức được chứng nhận về sự không phù hợp được phát hiện trong quá trình đánh giá. VICB sẽ thông báo cho ASC về bất kỳ sự đình chỉ hay thu hồi chứng chỉ nào trong vòng 2 ngày kể từ khi ra quyết định đình chỉ, thu hồi chứng chỉ. Trong trường hợp sự không phù hợp không được giải quyết trong thời gian quy định, chế tài xử phạt sẽ tăng dần theo các mức như sau: 	<p>5.7 Regulation on sanctions.</p> <ul style="list-style-type: none"> Upon finding that a producer no longer conforms to the ASC/MSC CoC standard, the inspector reports this to the VICB and to the auditee detailing the non-compliances identified during the inspection. VICB will inform ASC of any suspension or withdrawal within 2 days of decision. In case that the non-conformances are not resolved within the permitted time scale, the sanction will be escalated as follows:
<p>5.7.1 Yêu cầu hành động khắc phục:</p> <p>Yêu cầu hành động khắc phục sẽ được VICB đưa ra cho khách hàng khi VICB phát hiện bất cứ sự không phù hợp nào.</p> <p>a. Đối với NC nhẹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Được phát hiện trong đánh giá ban đầu: <ul style="list-style-type: none"> VICB quy định khách hàng thực hiện hành động khắc phục các NC nhẹ trong thời gian tối đa 3 tháng kể từ ngày tiến hành đánh giá. Kế hoạch thực hiện hành động khắc phục phải bao gồm: nguyên nhân của sự không phù hợp nhẹ, Hành động khắc phục thỏa đáng, thời gian giới hạn thực hiện hành động khắc phục. Trong trường hợp việc thực hiện khắc phục nằm ngoài tầm kiểm soát của khách 	<p>5.7.1 Warning or Requirement of corrective action implementation</p> <p>VICB will require customer to implement corrective actions for NCs when VICB detects any NCs.</p> <ol style="list-style-type: none"> With Minor NCs: <ul style="list-style-type: none"> detected in initial audit The producer must implement corrective actions for Minor NCs within 3 months from the date of audit. Action plan included brief description of a root cause of NC, satisfactory corrective action and timeframe for implementation. If NC extended, max period of one year (only in cases where implementation of corrective action was beyond control of client).

<p>hàng, khách hàng được phép thực hiện hành động khắc phục trong thời gian tối đa là một năm.</p> <ul style="list-style-type: none"> • NC phát hiện trong đánh giá giám sát: - Trường hợp khách hàng lập lại các NC nhẹ, VICB có quyền nâng lên mức NC nặng. <p>b. Đối với NC nặng:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chứng nhận lần đầu: - Khách hàng chỉ được cấp chứng chỉ khi toàn bộ các NC nặng đã được đóng lại. Thời gian thực hiện hành động khắc phục các NC nặng tối đa là 3 tháng. Khách hàng phải nhận diện được nguyên nhân gốc rễ của NC nặng. • Đánh giá giám sát: - Khách hàng phải khắc phục trong thời gian tối đa là 3 tháng. - Trường hợp khách hàng không thể thực hiện được hành động khắc phục (việc khắc phục nằm ngoài tầm kiểm soát), VICB cho phép gia hạn thời gian khắc phục thêm 3 tháng nữa. - Việc khắc phục phải nhận diện được nguyên nhân gốc rễ của vấn đề cần khắc phục. <p>VICB quy định không giảm nhẹ NC từ NC nặng xuống NC nhẹ</p> <p>VICB đánh giá hiệu quả của việc thực hiện hành động khắc phục trước khi đóng tất cả các NC.</p> <p>5.7.2 Đình chỉ chứng nhận:</p> <p>5.7.2.1. Quyết định đình chỉ được VICB đưa ra cho khách hàng trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Trong thời hạn cảnh báo (tối đa là 3 tháng) khách hàng vẫn chưa cung cấp được bằng chứng thỏa đáng về (các) hành động khắc phục được thực hiện. Trong trường hợp này, thời hạn đình chỉ do VICB quy định và có thể kéo dài tối đa 3 tháng.</p> <p>b. Khách hàng xin tự đình chỉ. Trong trường hợp này, thời hạn đình chỉ do khách hàng quy định nhưng tối đa không quá lần đánh giá chứng nhận lại tiếp theo.</p> <p>c. Những trường hợp không tuân thủ đe dọa nghiêm trọng tới sự an toàn của người tiêu dùng và môi trường thì lệnh đình chỉ sẽ được ban hành ngay lập tức.</p> <p>5.7.2.2. VICB có quyền đình chỉ một số sản phẩm nhất định hoặc toàn bộ sản phẩm</p>	<ul style="list-style-type: none"> • detected in surveillance audit: - VICB will raises a major NC where minor NC minor NC were raised repeatedly against particular requirement. <p>b. With major NCs:</p> <ul style="list-style-type: none"> • detected in initial certification: - Client is only issued certificate when all major NCs are closed. Maximum time for implementation of corrective action for major NCs is 3 months. The root causes of NCs shall be identified by customers. • detected in surveillance audit: - Customers shall implement corrective action within 3 months. - If NC extended, max period of another 3 months (only in cases where implementation of corrective action was beyond control of client). - Root cause of NC has been identified by customer. <p>VICB will not downgrade Major NCs to Minor NCs</p> <p>VICB will assess the effectiveness of corrective action implementation before closing all NCs.</p> <p>5.7.2. Certification suspension:</p> <p>5.7.2.1. Suspension decision is issued to the producer in the following cases:</p> <p>a. A period of warning (maximum of 3 months for audit), the customer has not provide satisfactory evidence of corrective action. In this case, the suspension time limit specified by VICB and can last up to 3 months.</p> <p>b. Self-declared Product Suspension. In this case, the suspension time limit specified by the producer but not exceed the next certification audit.</p> <p>c. No time is given for compliance where a serious threat to the safety of people, environment and consumer is present and a suspension is issued immediately.</p> <p>5.7.2.2. VICB entitle to susspend for certain products or for all products of the certified</p>
--	---

<p>của phạm vi sản phẩm đã được chứng nhận. Ngay sau khi đưa ra xử phạt, trạng thái của nhà sản xuất trong cơ sở dữ liệu chuyển thành trạng thái có liên quan.</p> <p>Ghi chú:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thời gian ban hành xử phạt và cập nhật cơ sở dữ liệu không được quá một ngày làm việc. • Một sản phẩm không thể bị đình chỉ một phần, nghĩa là toàn bộ sản phẩm đó phải bị đình chỉ. <p>5.7.2.3. Thời gian đình chỉ tối đa kéo dài đến đợt kiểm tra chứng nhận lại tiếp theo.</p> <p>5.7.2.4. Quyết định hủy đình chỉ sẽ được VICB đưa ra khi khách hàng cung cấp đủ bằng chứng về các hành động khắc phục được thực hiện trong thời hạn đình chỉ.</p> <p>5.7.3 Hủy bỏ:</p> <p>a. Việc hủy bỏ hợp đồng sẽ được ban hành khi:</p> <ol style="list-style-type: none"> VICB tìm được chứng cứ gian lận và/hoặc thiếu trách nhiệm trong việc tuân thủ theo các yêu cầu của ASC/MSC CoC, hoặc Nhà sản xuất không thể đưa ra bằng chứng đã thực hiện hành động khắc phục hiệu quả sau khi VICB ban hành lệnh đình chỉ, hoặc Khi vi phạm hợp đồng <p>b. Việc hủy bỏ hợp đồng sẽ dẫn đến việc nghiêm cấm (các sản phẩm và khu vực sản xuất) sử dụng logo/thương hiệu, giấy phép/chứng nhận ASC/MSC CoC hoặc bất kỳ vật liệu hay văn bản nào có liên quan đến ASC/MSC CoC</p> <p>c. Nhà sản xuất chịu hình thức xử phạt hủy bỏ chứng chỉ không được chấp nhận để cấp Chứng nhận ASC/MSC CoC trong vòng 12 tháng sau ngày ban hành lệnh hủy bỏ.</p> <p>5.7.4. Hủy xử phạt</p> <p>VICB sẽ hủy bỏ chế tài xử phạt (dựa theo bằng chứng thỏa đáng và đóng sự không phù hợp) nếu nhà sản xuất thông báo cho VICB rằng sự không phù hợp đã được giải quyết trước thời hạn.</p> <p>5.7.5. Cập nhật trạng thái nhà sản xuất</p> <p>Đối với các trạng thái của nhà sản xuất, VICB sẽ cập nhật đầy đủ để đảm bảo rằng trạng thái cập nhật của nhà sản xuất trên cơ sở dữ liệu của ASC</p>	<p>product scope. As soon as a suspension has been issued, the producer's status is changed in the database to the relevant status;</p> <p>Note:</p> <ul style="list-style-type: none"> • time between issuing the suspension and updating the database must not exceed more than 1 working day • A product cannot be partially suspended; i.e. the entire product must be suspended. <p>5.7.2.3. A time period allowed for implementation of correction will be, at maximum, till the next re-certification visit.</p> <p>5.7.2.4. VICB will issue the suspension cancel decision if customer provides sufficient evidence of implementation of effective corrective action within the time set.</p> <p>5.7.3 Cancellation:</p> <p>a. A cancellation of the contract shall be issued where:</p> <ol style="list-style-type: none"> The CB finds evidence of fraud and/or lack of trust to comply with ASC/MSC CoC Requirements, or A producer cannot show evidence of implementation of effective corrective action after a CB declared suspension, or When there is breach of contract. <p>b. A cancellation of the contract will result in the total prohibition (all products, all sites) of the use of the ASC/MSC CoC logo/trademark, license/certificate, or any device or document may be linked to ASC/MSC CoC.</p> <p>c. A producer that has received a cancellation shall not be accepted for ASC/MSC CoC Certification within 12 months after the date of cancellation</p> <p>5.7.4. Lifting sanction</p> <p>VICB will lift the sanction (subject to satisfactory evidence and closing out) if a producer notifies the VICB that the non-conformance is resolved before the set period.</p> <p>5.7.5. Producer status updates</p> <p>For all other producer statuses, the CAB is sufficiently up to date so as to ensure that the status of a producer on the ASC database is current</p>
<p>5.8. Quy định về chứng nhận</p>	<p>5.8 Regulation on certification</p>

<p>5.8.1 VICB sẽ ra quyết định chứng nhận trong vòng 28 ngày, kể từ khi tất cả các điểm không phù hợp được xử lý.</p> <p>5.8.2 VICB chỉ chứng nhận cho các sản phẩm đã đăng ký và được sản xuất tại địa điểm đã đăng ký</p> <p>5.8.3. Chứng chỉ chỉ được cấp sau khi có quyết định chứng nhận của VICB.</p> <p>5.8.4. VICB không cấp hoặc cấp lại chứng chỉ nếu còn tồn đọng các NC nặng.</p> <p>5.8.5. VICB có quyền trì hoãn quyết định cấp chứng chỉ khi có thông tin mới hoặc bổ sung.</p> <p>5.8.6. VICB đăng ký chứng nhận trong CSDL của ASC trước khi cấp (cấp lại) chứng chỉ.</p> <p>5.8.7. Việc đăng ký bao gồm toàn bộ các thông tin cụ thể trong đơn đăng ký của khách hàng. Mục dữ liệu trên CSDL của ASC luôn được VICB cập nhật. VICB sẽ đệ trình toàn bộ các thông tin yêu cầu ở dạng PDF.</p> <p>5.8.8. VICB đăng ký các thay đổi về phạm vi chứng nhận ASC trong CSDL của ASC trước khi phạm vi được ban hành.</p> <p>5.8.9. Trong trường hợp có sự cố về dịch vụ trực tuyến, VICB sẽ thông báo việc cấp chứng chỉ với ASC trong vòng 10 ngày kể từ ngày cấp.</p> <p>5.8.10. Trong trường hợp có xung đột về các yêu cầu đánh giá giữa tiêu chuẩn của ASI và tiêu chuẩn ISO Guide 65 và/hoặc Hướng dẫn về ISO Guide 65 của IAF thì VICB sẽ tuân thủ theo các yêu cầu đưa ra bởi ASI.</p>	<p>5.8.1 VICB will issue the certification decision within 28 days after all non-conformances are closed out.</p> <p>5.8.2 VICB only certifies for registered products and are produced at the registered sites.</p> <p>5.8.3. Certificates are only issued after positive decision by VICB's decision making entity.</p> <p>5.8.4. VICB does not issue or re-issue certificates if there are outstanding major NCs.</p> <p>5.8.5. VICB retains right to delay or postpone decision when new or additional information becomes available</p> <p>5.8.6. VICB registers certificates in ASC database before (re)- issue.</p> <p>5.8.7. Registration includes entry of all specified data. VICB keeps data entries on ASC database up to date. Until databases went live, VICB submitted all required information in PDF format.</p> <p>5.8.8. VICB registered any changes in scope in the ASC database before scope has been issued.</p> <p>5.8.9. In case of malfunction of online service, ASC has been informed within 10 days from issue</p> <p>5.8.10. In case of presence of conflict(s) between assessment requirements set by ASI and those set by ISO Guide 65 and/or IAF Guidance to ISO Guide 65, VICB will conform to the requirements given by ASI.</p>
<p>5.9. Quy định về hiệu lực chứng chỉ</p>	<p>5.9 Regulation on certification validity</p>
<p>5.9.1. Chứng chỉ ASC/MSC CoC do VICB cấp có hiệu lực trong 3 năm (36 tháng), trừ trường hợp bị hủy bỏ (hiệu lực dưới 3 năm).</p> <p>5.9.2. Ngày chứng chỉ có hiệu lực là ngày VICB ra quyết định chứng nhận.</p> <p>5.9.3. VICB có quyền rút ngắn hiệu lực của chứng chỉ trong trường hợp hủy bỏ chứng nhận quy định tại mục 5.7.3.</p>	<p>5.9.1 ASC/MSC CoC certificate issued by VICB is valid for 36 months, unless canceled (validity less than 3 years).</p> <p>5.9.2 The initial date of validity will be the date when VICB makes the certification decision.</p> <p>5.9.3 However, VICB has the right to shorten the period of validity of the certificate in case of certification cancellation specified in Section 5.7.3.</p>
<p>5.10. Quy định về chứng chỉ</p>	<p>5.10 Regulation on certificates</p>
<p>5.10.1. Chứng chỉ ASC/MSC CoC do VICB cấp theo mẫu chứng chỉ do VICB quy định với đầy đủ thông tin theo quy định của ASC/MSC CoC.</p> <p>5.10.2. VICB chỉ chứng nhận cho các sản phẩm đã đăng ký và được sản xuất tại địa điểm đã đăng ký.</p>	<p>5.10.1 ASC certificate issued by VICB will be under under certificate form prescribed by VICB with sufficient information required by ASC/MSC CoC.</p> <p>5.10.2 VICB only certifies registered products that are produced at registered location.</p>

<p>5.10.3. VICB chỉ cấp chứng chỉ cho nhà sản xuất đã đăng ký tại trang trại sản xuất và nhà máy đóng gói sản phẩm (CoC).</p> <p>5.10.4. Chỉ có người giữ chứng chỉ hợp pháp, tức là pháp nhân được ghi trên chứng chỉ, khi bán sản phẩm mới được được phép tham chiếu đến chứng chỉ.</p> <p>5.10.5. Trong trường hợp đổi chủ sở hữu, chứng chỉ không thể chuyển đổi sang chủ sở hữu mới. Nếu chủ sở hữu mới muốn nhận được chứng chỉ ASC/MSC CoC, phải đánh giá ban đầu.</p>	<p>5.10.3. VICB only certifies registered producers at the production farm and factory packing product (CoC).</p> <p>5.10.4 Only the legal certificate holder, i.e. the legal entity that is indicated on the certificate, may market products with reference to a ASC certificate.</p> <p>5.10.5 A certificate is not transferable from one owner to another when a production unit changes owner. An initial inspection is required in this case.</p>
<p>5.11. Quy định về sử dụng logo ASC</p>	<p>5.11 Rules for use of ASC logo</p>
<p>5.11.1. Logo ASC là logo do ASC cung cấp để đảm bảo tính đồng nhất về đặc điểm kỹ thuật (màu sắc, kích thước, hình dạng ...).</p> <p>5.11.2. Nhân hiệu ASC có thể được sử dụng trên sản phẩm để chỉ ra rằng các mặt hàng thủy sản có nguồn gốc từ các trang trại đã được chứng nhận ASC, đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn xã hội và môi trường trong nuôi trồng thủy sản có trách nhiệm.</p> <p>5.11.3. Việc sử dụng logo ASC phải tuân theo thỏa thuận giấy phép sử dụng logo.</p> <p>5.11.4. VICB sẽ kiểm tra việc sử dụng logo và thương hiệu ASC tại trang trại tại mọi thời điểm</p>	<p>5.11.1 The ASC logo must always be obtained from the ASC. This will ensure that it contains the exact corporate color and format</p> <p>5.11.2 The ASC logo can be used on a product to indicate that a seafood item comes from a farm certified as meeting the ASC environmental and social standard for responsible aquaculture.</p> <p>5.11.3 Use of ASC trademarks subject to a licence agreement.</p> <p>5.11.4. VICB will check on the correct use of the ASC trademark and logo on farms at all times.</p>
<p>5.12. Quy định về mã số đăng ký</p>	<p>5.13 Rules for registration Number</p>
<p>5.12.1. Khi đăng ký chứng nhận, mỗi khách hàng sẽ được cấp một mã số đăng ký.</p> <p>5.12.2. Mã số đăng ký là mã số do VICB cấp, có cấu trúc như sau: VICB-ASC-xxxx, trong đó: xxxx là mã số khách hàng của VICB.</p> <p>5.12.3. Mỗi khách hàng chỉ được cấp duy nhất một mã số đăng ký.</p> <p>5.12.4. Khách hàng có thể gắn mã số đăng ký lên sản phẩm hoặc bao bì cuối cùng tại thời điểm bán.</p>	<p>5.12.1. When the certification registration, each producer will be granted a registration Number.</p> <p>5.12.2. Registration Number is issued by VICB and under following as: VICB-ASC-xxxx, in which: xxxx is the customer number of VICB</p> <p>5.12.3. Each producer only is granted a registration number.</p> <p>5.12.4. The producer can use registration number on the product of final packing at the point of sale.</p>
<p>5.13. Quy định về bồi thường trách nhiệm và khiếu nại</p>	<p>5.14 Rules for responsibility compensation and complaints.</p>
<p>5.14.1 Nếu trong quá trình đánh giá chứng nhận, khách hàng đưa ra bằng chứng về việc VICB gây ra thiệt hại cho khách hàng và đề nghị bồi thường, VICB sẽ xem xét bồi thường cho thiệt hại đó. Giá trị bồi thường sẽ được VICB thỏa thuận chi tiết với khách hàng nhưng không vượt quá 100.000</p>	<p>5.14.1 If the certification assessment, the customer is certified to give evidence on the VICB cause damage to the customer and request compensation, VICB will consider compensation for damages. VICB will agree detail to customers about compensation values but no more than</p>

<p>EUR. Trong trường hai bên không thỏa thuận được với nhau về giá trị bồi thường thì đưa ra trọng tài kinh tế giải quyết.</p> <p>5.14.2 Khách hàng có thể khiếu nại các hoạt động liên quan đến quá trình đánh giá, chứng nhận của VICB. VICB sẽ xem xét, giải quyết khiếu nại của Khách hàng. Nếu khách hàng không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của VICB thì khách hàng có quyền yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.</p> <p>5.14.3 Không bên nào phải chịu trách nhiệm bồi hoàn cho nhau nếu có những yếu tố khách quan xảy ra nằm ngoài tầm kiểm soát của hai bên nhưng phải thông báo cho nhau về các sự kiện này bằng fax, hay thư tín trong vòng 5 ngày kể từ ngày diễn ra.</p>	<p>100.000 EUR. In the event the two parties can not agree among themselves on the compensation value to economy arbitration to address;</p> <p>5.14.2 Customers can complain activities related to the evaluation, certification process of VICB. VICB will consider and resolve customer's complaints. If customers do not agree with the decision of VICB resolve complaints, the customer may request resolution under the provisions of law;</p> <p>5.14.3 Neither party shall be responsible compensation if there are objective factors occur beyond the control of two party but must notify each other of these events by fax or mail with 5 days since take place.</p>
<p>5.14. Các khoản chi phí</p>	<p>5.15 Expenses</p>
<p>5.15.1 VICB công khai bảng phí cho chương trình đánh giá ASC trên website của VICB . Bảng phí VICB xây dựng bao gồm các phí cố định nhưng không bao gồm các phí không cố định như đi lại, ăn ở...</p> <p>5.15.2 Khoản phí chính xác cho hoạt động đánh giá, chứng nhận được xác định trong Hợp đồng. Khách hàng không phải trả bất kì khoản chi phí nào khác cho VICB trừ chi phí cho đánh giá bổ sung được quy định tại điểm 5.15.3.</p> <p>5.15.3 Khi cần phải thẩm tra hành động khắc phục của khách hàng tại điểm được đánh giá, các chi phí đi lại, lưu trú cho chuyên gia đánh giá của VICB do khách hàng chi trả.</p> <p>5.15.4 VICB phát hành hóa đơn tài chính cho toàn bộ chi phí đánh giá, chứng nhận của VICB. Việc chậm thanh toán sau 30 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn, bên Khách hàng phải chịu lãi suất 1,5% /tháng cho phần giá trị chậm thanh toán.</p>	<p>5.15.1 VICB publishes ASC fee table on the website of VICB . Fee table only include fixed fees and does not include fluctuation fees such as: travel costs, accommodation of auditor/inspector...</p> <p>5.15.2 The expenses for product evaluation and certification activities are specified in the contract. Customers do not pay any other expenses for VICB except the cost for addition assessment specified in 5.15.3 point.</p> <p>5.15.3 When need to verify the corrective actions of customers at the point being evaluated, the customers must pay the costs of travel and stay for an auditor of VICB;</p> <p>5.15.4 VICB issue invoice for the full certification assessment costs of VICB. The late payment after 30 days of issuing the invoice, the customers shall bear the interest rate of 1.5%/ months for the value to be paid.</p>
<p>5.16. Quy định về chuyển đổi tổ chức chứng nhận</p>	<p>5.16 Regulations on transferring CABs</p>
<p>5.16.1. Khi một nhà sản xuất đã có chứng chỉ ASC từ trước, VICB sẵn sàng tiến hành chuyển đổi giữa các Cơ quan Chứng nhận theo đúng quy định của ASC; Thủ tục chuyển đổi được tuân theo phụ lục của quy trình chuyển đổi chứng nhận ASC V02-17</p> <p>5.16.2. Phí chuyển đổi được thảo luận riêng trong từng trường hợp cụ thể</p>	<p>5.16.1. When a producer that has previously had a Code applies for registration, VICB is ready to act according to the ASC Procedure for Transfer between Certification Bodies. Transferring certification is under the Annex of transfer between ASC Certification Body V02-17</p> <p>5.16.2. Fee of transfer will be discussed for each specific case</p>

-----End-----